

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày 31-3-2021

“ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Tư.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Lâm và ông Lê Văn Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài” sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1974 và ông Phan Văn N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đậu Xuân Đồng, sinh năm 1954; nghề nghiệp: Luật sư – Công ty Luật TNHH Thành Đồng thuộc Đoàn Luật sư Hà Tĩnh; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Nam Hồng, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn H, xã K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần M, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn H, xã K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Anh Trần Công H; địa chỉ: Thôn H, xã K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Trần Thị H; địa chỉ: Thôn H, xã K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Phường H, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/6/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị C và Phan Văn N trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 20 tháng 10 năm 2018 vợ chồng nguyên đơn cho vợ chồng ông Trần M và bà Nguyễn Thị M, trú tại: Xóm X, xã K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh vay số tiền 525.000.000 đồng để làm nhà, rạp và mua sắm dụng cụ sinh hoạt trong gia đình, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất theo quy định của Ngân hàng, để đảm bảo cho khoản tiền vay, bà M có đưa chonguyn đơn giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 89943 do UBND huyện Kỳ Anh cấp ngày 04/12/2012 mang tên Trần M và Nguyễn Thị M để làm tin, khi vay có lập giấy vay tiền và có chữ ký của bà Nguyễn Thị M cùng con là Trần Thị H (còn chữ ký và điểm chỉ của ông Trần M là do bà Nguyễn Thị M tự ký và điểm chỉ), khi hai bên giao tiền có bà Hoàng Thị N chứng kiến.

Đến thời hạn trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần gặp trực tiếp và liên lạc qua điện thoại, trực tiếp đến nhà nhiều lần và trình báo với chính quyền xã Kỳ Hà, thị xã Kỳ Anh yêu cầu vợ chồng ông Trần M và bà Nguyễn Thị M trả nợ nhưng đến nay đã gần 02 năm ông M và bà M cố tình chây ỳ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh xử buộc vợ chồng ông Trần M và bà Nguyễn Thị M liên đới trả cho nguyên đơn số tiền đã vay gồm tiền gốc và tiền lãi cụ thể như sau:

- Tiền gốc 525.000.000 đồng (Năm trăm hai lăm triệu); tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: $525.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% = 3.937.000 \text{ đồng}$; lãi chậm trả: $3.937.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 29 \text{ tháng} = 947.635 \text{ đồng}$; lãi trên nợ gốc quá hạn: $525.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \times 29 \text{ tháng} = 228.375.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền gốc và tiền lãi yêu cầu vợ chồng ông Trần M và bà Nguyễn Thị M thanh toán cho nguyên đơn là $525.000.000 \text{ đồng} + 236.656.000 \text{ đồng} = 761.656.000 \text{ đồng}$ (Bảy trăm sáu mốt triệu sáu trăm năm sáu ngàn đồng).

Nếu vợ chồng ông Trần M và bà Nguyễn Thị M không trả được nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản của bị đơn là thừa

đất số 00, tờ bản đồ số: 00; Địa chỉ: Thôn H, xã K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Diện tích 430m²; Mục đích sử dụng đất: Đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 130m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 89943 do UBND huyện Kỳ Anh cấp ngày 04/12/2012 mang tên Trần M và Nguyễn Thị M để trả nợ cho nguyên đơn.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ông Trần M và bà Nguyễn Thị M cũng như các con của ông M và bà M đều không hợp tác, từ chối không nhận các giấy báo cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án, không đến làm việc để tham gia hòa giải tại Tòa án, cố tình trốn tránh, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng Hoàng Thị N trình bày: Vào ngày 20 tháng 10 năm 2018 bà đến nhà bà Nguyễn Thị C chơi và có chứng kiến việc bà Nguyễn Thị C cho bà Nguyễn Thị M vay số tiền 525.000.000 đồng, khi vay và nhận tiền có 02 con bà M cùng đi theo và có mặt, còn việc hai bên thỏa thuận như thế nào thì bà không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48, Điều 49 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 278, Điều 280, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M trả cho nguyên đơn số nợ gốc 525.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật; Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị đơn đưa cho nguyên đơn để vay tiền yêu cầu Nguyên đơn trả lại cho bị đơn; Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị M cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện về việc giải quyết hợp đồng vay tài sản. Xác định đây là tranh chấp về hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại xã Kỳ Hà, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Căn cứ vào 02 giấy vay tiền cùng lập ngày 20/10/2018 và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 20 tháng 10 năm 2018, bà Nguyễn Thị M vay của bà Nguyễn Thị C và ông Phan Văn N số tiền 525.000.000 đồng (Năm trăm hai lăm triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng, lãi suất theo lãi suất Ngân hàng, trả gốc và lãi một lần khi hết hạn, có thể chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần M và Nguyễn Thị M, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận khi ký giấy vay và nhận tiền cũng như thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ chỉ có bà Nguyễn Thị M và hai con đi cùng là Trần Công H và Trần Thị H, không có mặt ông Trần M, còn chữ ký và điểm chỉ trong giấy vay mang tên Trần M là do bà Nguyễn Thị M tự ký và điểm chỉ còn chữ ký Trần Công H do Trần Thị H tự ký vào.

Như vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là giao dịch vay tài sản có thời hạn và có thỏa thuận lãi suất, theo đó bên cho vay là bà Nguyễn Thị Chiến và ông Phan Văn N và bên vay là bà Nguyễn Thị M; bên vay đã được nhận đủ tài sản vay số tiền gốc 525.000.000 đồng từ bên cho vay. Nguyên đơn cho rằng bị đơn vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 525.000.000 đồng (Năm trăm hai lăm triệu đồng) và chưa hề trả được số tiền lãi suất nào. Do trong giấy vay tiền các bên có thỏa thuận về lãi suất nên căn cứ khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự buộc bị đơn phải trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả đối với số tiền gốc đã vay cho nguyên đơn.

Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và ông Phan Văn N; buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 525.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tính từ ngày 20/10/2018 đến ngày 31/3/2021 là: $525.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% = 3.937.000 \text{ đồng}$; lãi chậm trả: $3.937.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 29 \text{ tháng} = 947.635 \text{ đồng}$; lãi trên nợ gốc quá hạn: $525.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%$

x 29 tháng = 228.375.000đồng. Tổng số tiền gốc và tiền lãi yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị M thanh toán cho nguyên đơn là 525.000.000đồng + 236.656.000 đồng = 761.656.000 đồng (*Bảy trăm sáu một triệu sáu năm sáu ngàn đồng*).

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần M và Nguyễn Thị M, đây là tài sản chung của vợ chồng nhưng bà M tự mang đi đưa cho nguyên đơn để vay tiền nhưng không có ý kiến của đồng sở hữu là ông M; do vậy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và ông Phan Văn N có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần M và bà Nguyễn Thị M.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 278, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 70 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C:

- Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị C và ông Phan Văn N số tiền gốc 525.000.000đồng + tiền lãi 236.656.000 đồng = 761.656.000 đồng (*Bảy trăm sáu một triệu sáu năm sáu ngàn đồng*)

- Bà Nguyễn Thị C và ông Phan Văn N có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần M và bà Nguyễn Thị M Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 89943 do UBND huyện Kỳ Anh cấp ngày 04/12/2012 mang tên Trần M và Nguyễn Thị M.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền đã vay thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền 15.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0006848 ngày 08/10/2020

do Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh phát hành. Bà Nguyễn Thị M phải nộp 34.466.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ; VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Tư